TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST.
Ngày 19 - 01 -2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Hà Hùng Kiệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ông Thị Cành Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng Th. Địa chỉ: Tr, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Triệu Hồng Nh; Sinh năm: 1988; Chức vụ: Phó Phòng giao dịch huyện Tr; Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng - Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày số: 1086/UQ – HĐQT – NHCT18 ngày 08/9/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Th *(Có mặt)*.

* *Bị đơn*: Phạm Thị Trúc Ph; Sinh năm: 1978. Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt)*.

***** *Đồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Văn Đ; Sinh năm: 1977. Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt)*.

2. Nguyễn Văn Th; Sinh năm: 1965. Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt)*.

3. Nguyễn Thị Th; Sinh năm: 1964. Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Th có hợp đồng cho bà Phạm Thị Trúc Ph vay số tiền cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 64857/2019-HĐCV/NHCT822, ngày vay: 07/5/2019. Hạn trả: 07/5/2024. Thời hạn vay: 60 tháng. Số tiền vay: 130.000.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng (mua sắm vật dụng gia đình phục vụ đời sống). Lãi suất 11.5%/năm. Để bảo đảm cho hợp đồng vay nêu trên bà Phạm Thị Trúc Ph và chồng là ông Nguyễn Văn Đ đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và VKT (nhà ở), thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 46, diện tích là 215,3m^2, tọa lạc: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 135748 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cấp cho bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ ngày 20/02/2014 theo Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện Tr với bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ. Hợp đồng có chữ ký của bà Ph và chồng là ông Nguyễn Văn Đ điểm chỉ vào hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì bà Ph và ông Đ đã không thực hiện đúng hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ trực tiếp đến gia đình để đôn đốc việc thực hiện hợp đồng, nhưng bà Ph và ông Đ vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 19/01/2022 DL bà Ph và ông Đ còn nợ Ngân hàng Th số tiền gốc và lãi là 115.035.370 đồng (Trong đó nợ gốc là 97.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.447.710 đồng và tiền lãi quá là 1.587.660 đồng).

Nay Ngân hàng Th yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả Ngân hàng Th tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/01/2022 DL lãi là 115.035.370 đồng (Trong đó nợ gốc là 97.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.447.710 đồng và tiền lãi quá là 1.587.660 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 20/01/2022 DL cho đến ngày bà Ph và ông Đ trả tất nợ cho Ngân hàng là 17.25%/năm.

Trường hợp bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Th, đề nghị Tòa án phát mãi tài sản mà bà Ph và ông Đ đã thế chấp cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và VKT (nhà ở), thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 46, diện tích là 215,3m^2, tọa lạc: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số BR 135748 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cấp cho bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ ngày 20/02/2014 theo Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện Tr với bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn là bà Phạm Thị Trúc Ph đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, bà Ph không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Ph.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, ông Đ không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, ông Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, bà Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Th.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người đại diện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều Điều 103, 317, 318, 319,

323, 422, 427, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 166, 167 và 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 115.035.370 đồng (Trong đó nợ gốc là 97.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.447.710 đồng và tiền lãi quá là 1.587.660 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 20/01/2022 DL cho đến ngày bà Ph và ông Đ trả tất nợ cho Ngân hàng là 17.25%/năm; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản là: Quyền sử dụng đất và VKT (nhà ở), thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 46, diện tích là 215,3m^2, tọa lạc: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 135748 do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp cho bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ ngày 20/02/2014 theo Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện Tr với bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ. Hợp đồng có chữ ký của bà Ph và chồng là ông Nguyễn Văn Đ điểm chỉ vào hợp đồng để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Về án phí và các khoản chi phí khác buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị Trúc Ph là bị đơn trong vụ án; Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph, ông Đ, ông Th, bà Th.

[1.2] Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Ngân hàng Th thì vào ngày 07/5/2019, Ngân hàng Th có hợp đồng cho bà Phạm Thị Trúc Ph vay số tiền là 130.000.000 đồng. Để bảo đảm cho hợp đồng vay nêu trên bà Phạm Thị Trúc Ph và chồng là ông Nguyễn Văn Đ đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và VKT (nhà ở), thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 46, diện tích là 215,3m^2, tọa lạc: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 135748 do Ủy ban nhân dân huyện

Trần Đề cấp cho bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ ngày 20/02/2014 theo Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện Tr với bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ. Hợp đồng có chữ ký của bà Ph và chồng là ông Nguyễn Văn Đ điểm chỉ vào hợp đồng. Do bà Ph và ông Đ vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Ph và ông Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới phải hoàn trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày bà Ph và ông Đ trả tất nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp dân sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả Ngân hàng Th tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/01/2022 DL lãi là 115.035.370 đồng (Trong đó nợ gốc là 97.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.447.710 đồng và tiền lãi quá là 1.587.660 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 20/01/2022 DL cho đến ngày bà Ph và ông Đ trả tất nợ cho Ngân hàng là 17.25%/năm.

Trường hợp bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Th, đề nghị Tòa án phát mãi tài sản mà bà Ph và ông Đ đã thế chấp cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và VKT (nhà ở), thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 46, diện tích là 215,3m^2, tọa lạc: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 135748 do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp cho bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ ngày 20/02/2014 theo Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện Tr với bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Để chứng minh cho việc bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ vay vốn và thế chấp tài sản để vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ sau: 01 (một) bộ hồ sơ về vay vốn và thế chấp tài sản của bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ gồm: 01 (một) Hợp đồng cho vay (tín dụng) số 64857/2019-HĐCV/NHCT822, ngày 07/5/2019 (bản sao), 01 (một) Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 (Bản sao); 02 (hai) giấy nhận nợ ngày 10/5/2019 và ngày 17/9/2019 (Bản sao); 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bản sao) và các giấy tờ khác có liên quan. Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Th, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th và Tòa án đã tống

đạt hợp lệ cho bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ, nhưng bà Ph và ông Đ không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

- Đối với bị đơn là bà Phạm Thị Trúc Ph sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Th, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Ph, nhưng bà Ph không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th. Do đó, Hội đồng xét xử xem như bà Ph đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Th, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Đ, nhưng ông Đ không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th. Do đó, Hội đồng xét xử xem như ông Đ đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa Ngân hàng Th và bà Phạm Thị Trúc Ph có ký kết hợp đồng tín dụng số 64857/2019-HĐCV/NHCT822, ngày 07/5/2019, theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho bà Ph vay số tiền gốc là 130.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 11.5%/năm, lãi suất quá hạn 17.25%/năm (150% lãi suất cho vay). Khi vay thì bà Ph cùng chồng là ông Nguyễn Văn Đ đã dùng tài sản để thế chấp cho khoản nợ vay. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và VKT (nhà ở), thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 46, diện tích là 215,3m^2, tọa lạc: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 135748 do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp cho bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ ngày 20/02/2014 theo Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện Tr với bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ. Sau khi vay được một thời gian thì bà Ph và chồng là ông Đ không hoàn trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 19/01/2022 DL bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 115.035.370 đồng (Trong đó nợ gốc là 97.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.447.710 đồng và tiền lãi quá là 1.587.660 đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện Ngân hàng Th không cần phải chứng minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Xét về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 64857/2019-HĐCV/NHCT822, ngày 07/5/2019 giữa Ngân hàng Th với bà Phạm Thị Trúc Ph xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư

liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Theo người đại diện của Ngân hàng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Ph vay số tiền là 130.000.000 đồng là đủ số vốn vay theo Hợp đồng. Bà Phạm Thị Trúc Ph phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng hàng tháng theo hợp đồng. Sau khi vay bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ chỉ góp gốc và lãi cho Ngân hàng được 01 thời gian thì ngưng góp gốc và lãi cho Ngân hàng và cũng không thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi tiếp theo cho Ngân hàng. Xét thấy, bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền của hợp đồng tín dụng tổng cộng gốc và lãi là 115.035.370 đồng (Trong đó nợ gốc là 97.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.447.710 đồng và tiền lãi quá là 1.587.660 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 20/01/2022 DL cho đến ngày bà Ph và ông Đ trả tất nợ cho Ngân hàng là 17.25%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, người đại diện của Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền của hợp đồng tín dụng tổng cộng gốc và lãi là 115.035.370 đồng (Trong đó nợ gốc là 97.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.447.710 đồng và tiền lãi quá là 1.587.660 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 20/01/2022 DL cho đến ngày bà Ph và ông Đ trả tất nợ cho Ngân hàng là 17.25%/năm là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 103, 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi

phạm; Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Vì vậy, cần xử buộc bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền của hợp đồng tín dụng tổng cộng gốc và lãi là 115.035.370 đồng và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 20/01/2022 DL trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn của Hợp đồng tín dụng là 17.25%/năm.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện Trần Đề với bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và VKT (nhà ở), thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 46, diện tích là 215,3m^2, tọa lạc: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 135748 do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp cho bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ.

Xét thấy, về hình thức và nội dung hợp đồng, về thẩm quyền công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các điều 317, điều 318, điều 319, điều 323, điều 500, điều 502 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, điều 167 và điều 170 của Luật đất đai năm 2013, nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Trong Hợp đồng thế chấp các bên có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay; Đến khi án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu Thi hành án thì bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên; Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện Tr với bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các điều 500 và điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật đất đai năm 2013.

[3]Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th không có ý kiến cũng như không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Dành cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th được quyền khởi kiện bằng 01 vụ án khác nếu có yêu cầu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải cùng

có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.751.768 đồng; Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.492.618 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005806 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 600.000 đồng, số tiền này Ngân hàng Th đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T030 ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền là 600.000 đồng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 103, 117, điều 119, 317, 318, 319, 323, 398, 422, 427, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 166, 167 và 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Án lệ số: 08/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

- Buộc bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/01/2022 DL là 115.035.370 đồng *(Một trăm mười lăm triệu không trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi đồng)* và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 20/01/2022 DL cho đến khi bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 17.25%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Th về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Đến khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Th có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; Nếu bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng Th có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và VKT (nhà ở), thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 46, diện tích là 215,3m^2, tọa lạc: ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 135748 do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp cho bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng thế chấp số: 42/2018/HĐBĐ/NHCT822-PGDTĐ, ngày 28/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện Tr với bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 600.000 đồng *(sáu trăm ngàn đồng),* số tiền này Ngân hàng Th đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T030 ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền là 600.000 đồng *(sáu trăm ngàn đồng).*

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Trúc Ph và ông Nguyễn Văn Đ phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.751.768 đồng *(Năm triệu bảy trăm năm mươi mốt ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng);* Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.492.618 đồng *(Hai triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm mười tám đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005806 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn là bà Phạm Thị Trúc Ph, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Th không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên